

## NGŨ ĐIỆU ANH VIỆT, NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

Nguyễn Huy Kỳ

*Cao đẳng Sư phạm Hà Nội*

Ngôn ngữ học đối chiếu rất hữu ích đối với việc Dạy - Học ngoại ngữ hiện nay nó giúp ta thấy được những nét giống nhau và khác nhau giữa các ngôn ngữ, làm cơ sở để dịch thuật được tốt hơn . . .

Muốn đối chiếu so sánh hai ngôn ngữ nào đó, ta phải dựa vào một định hướng rất định để thực hiện, chẳng hạn đối chiếu so sánh theo quan điểm đồng đại hay khác đại, dùng ngôn ngữ nào là ngôn ngữ đối tượng, ngôn ngữ nào là ngôn ngữ công cụ.

Sau đây chúng tôi thử đối chiếu so sánh một trong những hiện tượng ngôn ngữ, cụ thể là ngữ điệu, giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

Để xác định rõ hơn nữa việc nghiên cứu đối chiếu này, chúng tôi chỉ đi sâu vào một số hiện tượng hoàn chỉnh (ngữ pháp và ngữ nghĩa) trong những tình huống cụ thể: câu mệnh lệnh, nghi vấn, cảm thán và mệnh lệnh hoặc cầu khiến. Mục đích: tìm ra những nét tương đồng và khác biệt giữa ngữ điệu tiếng Anh và tiếng Việt. Phương pháp nghiên cứu: so sánh đối chiếu, phân tích, tổng hợp, quy nạp, thống kê . . . theo quan điểm đồng đại, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ đối tượng (cần làm sáng tỏ, khám phá nó) và tiếng Việt làm ngôn ngữ công cụ (so sánh để làm rõ hơn đặc điểm của ngôn ngữ đối tượng).

### NHỮNG NÉT TƯƠNG ĐỒNG CHÍNH

#### **Đặc trưng cơ bản:**

Là sự chuyển động của giọng điệu, thể hiện bằng các âm điệu ở độ cao, thấp khác nhau trong lời nói, tạo nên những ý nghĩa khác nhau, ví dụ:






Tôi là sinh viên.

#### **Những nét đặc trưng chính:**

Nối liền các bộ phận của lời nói lại với nhau, làm cho lời nói liền mạch.

Là một trong các cách để phân loại lời nói, thể hiện các chức năng thông báo khác nhau ở mỗi phát ngôn, hoặc trong cùng một phát ngôn mà ngữ điệu được sử dụng khác nhau. Ở đây, ngữ điệu đóng vai trò là một phương thức ngữ pháp thực

thụ vì qua ngữ điệu, người nghe có thể biết được câu nói thuộc loại gì: trần thuật, nghi vấn, cảm thán hay mệnh lệnh (câu khiến/đề nghị). (Có sắc thái biểu cảm của người nói). Ví dụ:

- 
  
 - Chị đi ?            (Lên giọng: câu hỏi)
- 
  
 - Chị đi                (Xuống giọng, nhấn mạnh "đi": mệnh lệnh)
- 
  
 - You go ?            (Lên giọng: câu hỏi chung (mặc dù không dùng trợ động từ "Do" trước chủ ngữ "You"))

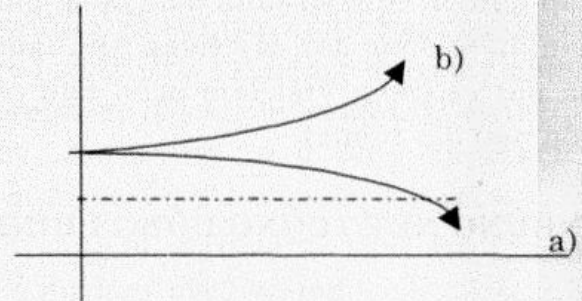
## II. NHỮNG NÉT KHÁC BIỆT CƠ BẢN

### 1. Ngữ điệu tiếng Việt

**1.1.** Ngữ điệu thường được sử dụng đồng thời với những từ tình thái như "à, nhỉ, nhé". Nếu đi với những từ tình thái này thì độ cao của âm điệu phụ thuộc vào "à, nhỉ" (thấp) "ư, nhé" (cao):

a) Anh đi à ?

b) Anh đi nhé !



(Ghi chú: -----: Độ cao trung bình)

**1.2.** Ngữ điệu thăng (lên) có chức năng thông báo sự tiếp tục, có nghĩa thông báo mệnh đề chưa kết thúc; ngữ điệu giáng (xuống) có chức năng kết thúc, có nghĩa thông báo mệnh đề đã kết thúc (hết).

**1.3.** Ngữ điệu không thăng mà cũng không giáng (hoặc ngữ điệu vận động theo hướng nằm ngang) có chức năng liệt kê, ví dụ: Nào là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga.

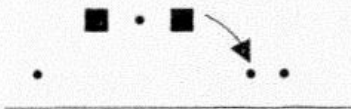
**1.4.** Ngữ điệu có chức năng đặc biệt quan trọng trong việc biểu hiện tất cả những sắc thái, cảm xúc đa dạng của lời nói... nhưng có sự hỗ trợ đắc lực của thanh điệu, là nét mà chỉ tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập - phân tích tính mới có.

**Ngữ điệu tiếng Anh: (Một số dạng cơ bản)**

**2.1.** Ngữ điệu trong tiếng Anh được thể hiện rõ nét trong từng từ, từng nhóm từ và câu, dựa trên cơ sở trọng âm của từ, nhóm từ hoặc câu để bắt đầu lên giọng, xuống giọng . . . Trọng âm được coi là xuất phát điểm của việc nghiên cứu tiếng Anh. Ta dùng ngữ điệu giáng ( ↘ ) cho những câu:

- Trăn thuật, ví dụ:

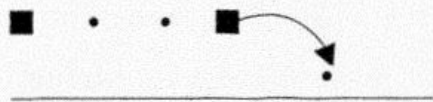
I've got a bicycle. ( Tôi có 1 chiếc xe đạp )



Câu trên, ngữ điệu giáng ( ↘ ) bắt đầu từ âm tiết /-bai-/ có trọng âm.

Hoặc câu hỏi có từ để hỏi, ví dụ:

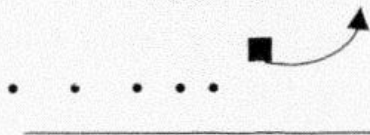
What are you doing? ( Bạn đang làm gì vậy ? )



**2.2.** Ngữ điệu thăng ( ↗ ) được sử dụng trong:

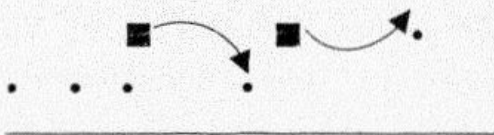
Câu hỏi dạng đảo (câu hỏi không có từ để hỏi/câu hỏi "có/không"), ví dụ:

Are you an engineer? ( Bạn có phải là kỹ sư không ? )



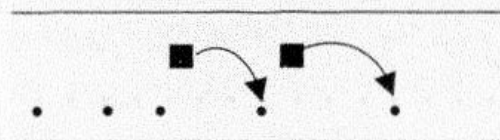
Trong câu hỏi láy đuôi ( tag-questions), ví dụ:

You are an actor, aren't you? ( Bạn là diễn viên phải không ? )



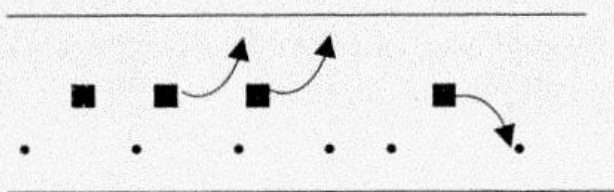
Nhiều khi người ta dùng câu hỏi loại này để kiểm tra lại thông tin, nhưng trong trường hợp ấy, ngữ điệu giáng ở phần láy đuôi, ví dụ:

You are an actor, aren't you?



- Trong câu liệt kê, ví dụ:

I've got a book, a pen and a pencil. ( Tôi có 1 quyển sách, một cái bút m  
và 1 cái bút chì )



**2.3. Ngữ điệu trong câu cảm thán cũng được dùng rất đa dạng:**

Ngữ điệu giáng thể hiện sự thán phục, sự đồng ý với sự vật, hiện tượng được nêu hoặc đề cập đến, ví dụ:

How nice it is !

( Thời tiết hôm nay đẹp thật )




( Trong khi nói về thời tiết )

( Trong trường hợp này "is" có trọng âm )

Ngữ điệu thẳng: thể hiện sự không mong chờ, hoặc điều gì đó không thú  
hoặc nói để mà nói, ví dụ:

Thank you; Good



**2.4. Ngữ điệu giáng - thẳng kết hợp (  ): Thể hiện sự không đồng ý h  
không tin, ví dụ:**

Twenty .

( Hai mươi á, tôi không tin )



Tóm lại ngữ điệu trong tiếng Anh (ngôn ngữ đối tượng) và tiếng Việt (ng  
ngữ công cụ) được thể hiện một cách rất đặc trưng, tùy thuộc vào ngữ cảnh, tâm t  
tình cảm... của người nói và người nghe trong hoạt động giao tiếp. Nếu được th  
hiện qua băng tiếng, băng hình... với sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau (   
tuổi tác, khu vực, giới tính, nghề nghiệp...) thì phần "động" của ngữ điệu sẽ ph  
nào mang lại kết quả nghiên cứu mà chúng tôi mong chờ .

*Ghi chú:*

- : Không có trọng âm (ghi trong thang âm)
- : Có trọng âm (ghi trong thang âm)
- \ : Nơi trọng âm xuống (giáng) (ghi trong phát ngôn)

/:	Nổi trọng âm lên (thăng)	(ghi trong phát ngôn)
:	Thể hiện trọng âm (không giáng, không thăng)	(ghi trong phát ngôn)
∨:	Giáng – thăng kết hợp	(ghi trong phát ngôn)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mai Ngọc Chử, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991.
- Lê Quang Thiêm. *Nghiên cứu đôi chiều các ngôn ngữ*. NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1989.
- Đoàn Thiện Thuật. *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- Gimson, A.C.. *An introduction to the pronunciation of English*. Edward Arnold, the 3<sup>rd</sup> edition, 1980.
- Halliday, M.A.K.. *A course in spoken English: Intonation*. Oxford University Press 1970.
- O' Connor, J.D. *Better English pronunciation*. Cambridge University Press 1967.
- Roach, P. *English Phonetics and Phonology*. Cambridge University Press 1983.

J. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., LXVI, N<sup>o</sup>3, 2000

## ENGLISH - VIETNAMESE INTONATION, CONSIDERING FROM THE ANGLE OF THE CONTRASTIVE LINGUISTICS

Nguyen Huy Ky

*Hanoi Teacher's Training College*

My article consists of the following main parts:

I - The main similarities between the English - Vietnamese intonation:

1. **Basic features:** A unity of speech melody, voice quality and speech tempo; pitch level: high, mid and low.

2. **Main functions of intonation:** The attitudinal function, the accentual function, the grammatical function, and the discourse function

II - The main differences:

1. Vietnamese intonation: basing on "à, nhĩ" (low); "ư, nhé" (high) and 6 tones.

2. English intonation: basing on stressed and unstressed syllables.

My viewpoint is to synchronically study intonation of the 2 above-mentioned languages in which English is used as the object language and Vietnamese - the language for comparison and contrast.